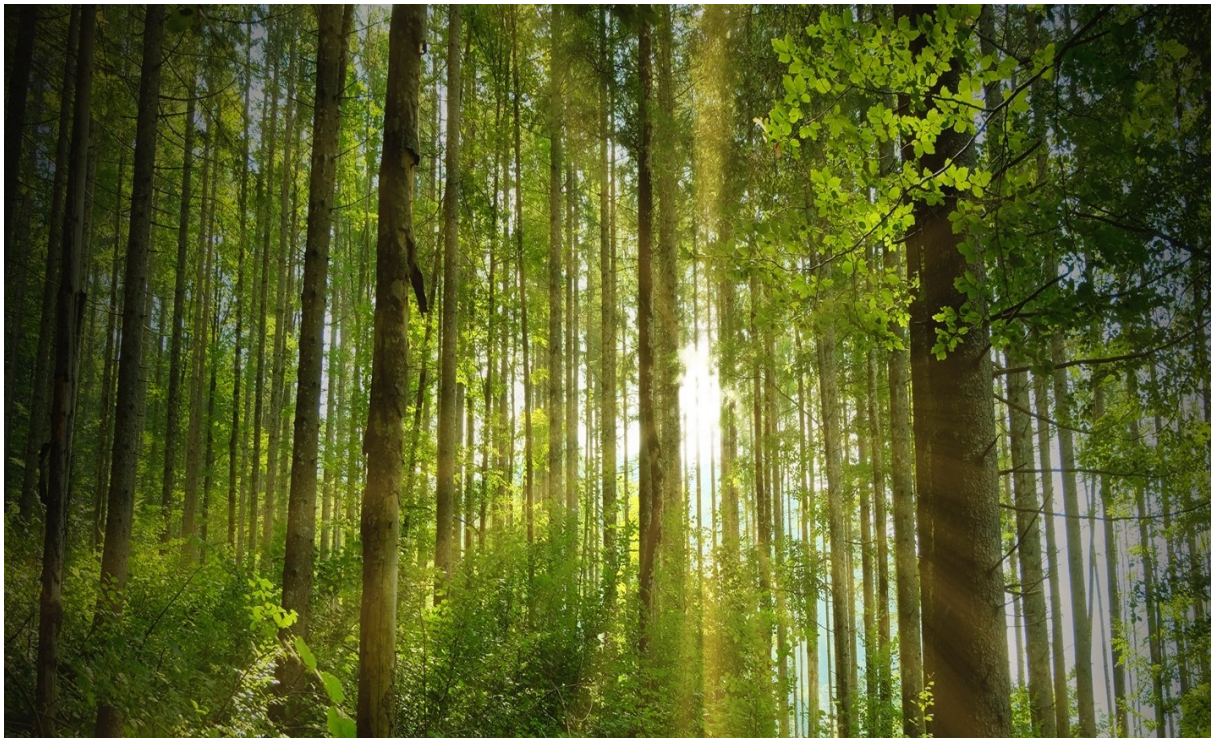




HỢP PHẦN BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC

DỰ ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG VÀ BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC

*BÁO CÁO KỸ THUẬT ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP PHÁT
TRIỂN KINH TẾ RỪNG ĐA DỤNG GẮN VỚI BẢO TỒN
THIÊN NHIÊN, ĐA DẠNG SINH HỌC CÁC HỆ SINH
THÁI RỪNG TOÀN QUỐC*

03/2024

Báo cáo này do WWF soạn trong khuôn khổ Hợp phần Bảo tồn Đa dạng sinh học,
Dự án Quản lý rừng bền vững và Bảo tồn Đa dạng sinh học do Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ tài trợ

BÁO CÁO

BÁO CÁO KỸ THUẬT ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP PHÁT TRIỂN KINH TẾ RỪNG ĐA DỤNG GẮN VỚI BẢO TỒN THIÊN NHIÊN, ĐA DẠNG SINH HỌC CÁC HỆ SINH THÁI RỪNG TOÀN QUỐC

Tác giả: PGS.TS. Triệu Văn Hùng và TS. Trần Thị Thu Hà

Ngày hoàn thành: 03/2024

Hợp phần Bảo tồn Đa dạng sinh học, Mã số: 7204402CA00001

TUYÊN BỐ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được soạn thảo với sự hỗ trợ của Nhân dân Mỹ thông qua Hợp phần Bảo tồn Đa dạng sinh học (USAID Biodiversity Conservation). Báo cáo không nhất thiết phản ánh quan điểm của Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ.

THÔNG TIN CHUNG

Năm kế hoạch	2023
Tiểu hợp phần	Bảo tồn đa dạng sinh học
Mã hoạt động	7204402CA00001
Số Điều khoản tham chiếu	FY23/1470 BCA
Điều khoản tham chiếu	Đánh giá tổng hợp phát triển kinh tế rừng đa dụng gắn liền với bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng toàn quốc
Phạm vi công việc	
Mục tiêu	Làm rõ hiệu quả, tác động của hoạt động phát triển kinh tế rừng đa dụng gắn với công tác quản lý bảo tồn thiên nhiên đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng toàn quốc; Đề xuất các giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế rừng gắn với công tác bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng, thích ứng với biến đổi khí hậu, phục vụ công tác xây dựng Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn 2050
Tên nhà thầu	PGS.TS. Triệu Văn Hùng và TS. Trần Thị Thu Hà
Số Hợp đồng	FY24-0425-HN
Mã số sản phẩm	
Ngày nộp sản phẩm	03/2024

DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT

BĐKH	Biến đổi khí hậu
BQL	Ban quản lý
BV&PTR	Bảo vệ và Phát triển rừng
ĐDSH	Đa dạng sinh học
DLST	Du lịch sinh thái
DTTS	Dân tộc thiểu số
DTSQ	Dự trữ sinh quyển
DVMTR	Dịch vụ môi trường rừng
GRDP	Tổng giá trị sản phẩm
HGD	Hộ gia đình
HST	Hệ sinh thái
KBT	Khu bảo tồn
LSNG	Lâm sản ngoài gỗ
NLKH	Nông lâm kết hợp
NN&PTNT	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
NTTS	Nuôi trồng thủy sản
RĐD	Rừng đặc dụng
RNM	Rừng ngập mặn
RPH	Rừng phòng hộ
RSX	Rừng sản xuất
RT	Rừng trồng
RTN	Rừng tự nhiên
UBND	Ủy ban nhân dân
VQG	Vườn quốc gia
WWF	Tổ chức Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên

MỤC LỤC

1	GIỚI THIỆU.....	1
2	MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU.....	3
	2.1. MỤC TIÊU TỔNG THỂ.....	3
	2.2. MỤC TIÊU CỤ THỂ.....	3
3	PHẠM VI NGHIÊN CỨU.....	4
4	PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.....	7
	4.1. PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN CHUNG.....	7
	4.2. CÁC BƯỚC THỰC HIỆN.....	7
	4.1.1. Thu thập, rà soát, tổng hợp thông tin, số liệu thứ cấp.....	7
	4.2.2. Tham gia các cuộc họp kỹ thuật với các bên liên quan.....	7
	4.2.3. Khảo sát thu thập thông tin, số liệu sơ cấp.....	8
	4.2.4. Tổng hợp, phân tích thông tin, số liệu và xây dựng báo cáo.....	9
5	KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU.....	11
	5.1. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CÁC MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ RỪNG ĐA DỤNG TẠI TỈNH SƠN LA.....	11
	5.1.1. Hiện trạng quản lý và sử dụng tài nguyên rừng tại tỉnh Sơn La.....	11
	5.1.2. Hiệu quả và tác động của các mô hình phát triển kinh tế rừng đa dụng tại Sơn La.....	16
	5.2. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CÁC MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ RỪNG ĐA DỤNG TẠI TỈNH THỪA THIÊN HUẾ.....	22
	5.2.1. Hiện trạng quản lý và sử dụng tài nguyên rừng tại tỉnh Thừa Thiên Huế.....	22
	5.2.2. Hiệu quả và tác động của các mô hình phát triển kinh tế rừng đa dụng tại Thừa Thiên Huế.....	25
	5.3. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CÁC MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ RỪNG ĐA DỤNG TẠI TỈNH CÀ MAU.....	34
	5.3.1. Hiện trạng quản lý và sử dụng tài nguyên rừng tại tỉnh Cà Mau.....	34
	5.3.2. Hiệu quả và tác động của các mô hình phát triển kinh tế rừng đa dụng tại Cà Mau.....	37
	5.4. ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP CÁC MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ RỪNG ĐA DỤNG.....	45
6	KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ.....	53
	6.1. KẾT LUẬN.....	53
	6.2. KHUYẾN NGHỊ.....	54
7	TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	56

8	PHỤ LỤC.....	61
1	PHỤ LỤC 1: MẪU PHIẾU KHẢO SÁT, THU THẬP THÔNG TIN VỀ CÁC MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ RỪNG ĐA DỤNG DÀNH CHO SỞ NN&PTNT, CHI CỤC KIỂM LÂM, UBND HUYỆN/XÃ, PHÒNG NÔNG NGHIỆP HUYỆN/XÃ, BQL RPH/RDD.....	62
2	PHỤ LỤC 2: MẪU PHIẾU KHẢO SÁT, THU THẬP THÔNG TIN VỀ CÁC MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ RỪNG ĐA DỤNG DÀNH CHO HỘ GIA ĐÌNH.....	65
3	PHỤ LỤC 3: DANH SÁCH VÀ THÔNG TIN GHI NHẬN ĐƯỢC TỪ CÁC CÁ NHÂN, HỘ GIA ĐÌNH, CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THAM GIA PHÒNG VẤN.....	67
4	PHỤ LỤC 4: TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN (GRDP) NĂM 2022.....	83

DANH MỤC BIỂU ĐỒ/HÌNH ẢNH

Hình 1. Tiêu chí đánh giá hiệu quả và tác động của các mô hình.....	6
Hình 2. Hiện trạng rừng của Sơn La phân theo nguồn gốc và chức năng.....	12
Hình 3. Hiện trạng quản lý rừng theo nhóm chủ rừng tại Sơn La.....	12
Hình 4. Mô hình trồng Sa nhân tím dưới tán rừng tại xã Nậm Cang, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La.....	15
Hình 5. Hiện trạng rừng của Thừa Thiên Huế phân theo nguồn gốc và chức năng.....	22
Hình 6. Hiện trạng quản lý rừng theo nhóm chủ rừng tại Thừa Thiên Huế.....	23
Hình 7. Hiện trạng rừng của Cà Mau phân theo nguồn gốc và chức năng.....	34
Hình 8. Hiện trạng quản lý rừng theo nhóm chủ rừng tại Cà Mau.....	35
Hình 9. Cơ cấu nguồn thu từ các mô hình phát triển kinh tế dưới tán rừng năm 2022.....	46

DANH MỤC BẢNG SỐ LIỆU

Bảng 1. Mô hình và địa điểm khảo sát.....	5
Bảng 2. Khung đánh giá hiệu quả và tác động của các mô hình.....	9
Bảng 3. Mức độ hiệu quả và tác động của mô hình cung cấp gỗ, củi tỉnh Sơn La.....	17
Bảng 4. Mức độ hiệu quả và tác động của mô hình khai thác LSNG và dược liệu tại Sơn La.....	18
Bảng 5. Mức độ hiệu quả và tác động của mô hình Nông - Lâm kết hợp dưới tán rừng tại Sơn La.....	20
Bảng 6. Mức độ hiệu quả và tác động của mô hình phát triển du lịch sinh thái dựa vào rừng tại Sơn La.....	21
Bảng 7. Mức độ hiệu quả và tác động của mô hình khai thác DVMTR tại Sơn La.....	22
Bảng 8. Mức độ hiệu quả và tác động của mô hình cung cấp gỗ, củi của tỉnh Thừa Thiên Huế.....	27
Bảng 9. Vai trò, giá trị một số LSNG ở Thừa Thiên Huế.....	28
Bảng 10. Mức độ hiệu quả và tác động của mô hình khai thác LSNG và dược liệu tại Thừa Thiên Huế.....	29
Bảng 11. Mức độ hiệu quả và tác động của mô hình Nông - Lâm kết hợp dưới tán rừng tại Thừa Thiên Huế.....	31
Bảng 12. Mức độ hiệu quả và tác động của mô hình phát triển DLST dựa vào rừng tại Thừa Thiên Huế.....	33
Bảng 13. Mức độ hiệu quả và tác động của mô hình khai thác DVMTR tại Thừa Thiên Huế.....	34
Bảng 14. Thống kê lượng gỗ, củi khai thác được trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2019 - 2022.....	38
Bảng 15. Mức độ hiệu quả và tác động của mô hình cung cấp gỗ, củi của tỉnh Cà Mau.....	39
Bảng 16. Mức độ hiệu quả và tác động của mô hình khai thác LSNG và dược liệu tại Cà Mau.....	40
Bảng 17. Mức độ hiệu quả và tác động của mô hình nông-lâm-ngư kết hợp tại Cà Mau.....	42
Bảng 18. Mức độ hiệu quả và tác động của mô hình phát triển DLST dựa vào rừng tại Cà Mau.....	44
Bảng 19. Mức độ hiệu quả và tác động của mô hình phát triển DVMTR tại tỉnh Cà Mau.....	45
Bảng 20. Bảng tổng hợp giá trị kinh tế của các mô hình phát triển kinh tế rừng đa dụng tại Sơn La, Thừa Thiên Huế và Cà Mau năm 2022.....	45

1 GIỚI THIỆU

Theo công bố của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NN&PTNT) tại Quyết định số 2357/QĐ-BNN-KL ngày 14/6/2023 về hiện trạng rừng toàn quốc năm 2022, tính đến hết năm 2022, tổng diện tích rừng của Việt Nam là 14.790.075 ha, trong đó diện tích rừng tự nhiên (RTN) là 10.134.082 ha (bao gồm diện tích rừng đặc dụng (RĐD) là 2.103.845 ha; rừng phòng hộ (RPH) là 4.078.464 ha và rừng sản xuất (RSX) là 3.951.773 ha) và diện tích rừng trồng (RT) là 4.655.993 ha (bao gồm diện tích RĐD là 94.241 ha; RPH là 630.994 ha và RSX là 3.939.758 ha).

Các hệ sinh thái (HST) rừng của Việt Nam phong phú và đa dạng, là nơi sinh sống của hơn 10.000 loài động vật hoang dã và 12.000 loài thực vật bậc cao có mạch¹; là nơi lưu giữ nhiều nguồn gen đặc hữu, quý, hiếm và giá trị đa dạng sinh học (ĐDSH) cao, đồng thời là nơi bảo tồn các di tích lịch sử - văn hóa, tín ngưỡng gắn với đời sống của người dân địa phương. Các HST rừng cung cấp gỗ, lâm sản ngoài gỗ (LSNG) và nhiều dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) như bảo vệ đất, giảm xói mòn, duy trì và điều tiết nguồn nước, giảm thiệt hại do thiên tai, duy trì cảnh quan thiên nhiên v.v... là những đầu vào quan trọng cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều ngành, lĩnh vực trong nền kinh tế quốc dân, trong đó có những ngành, lĩnh vực ảnh hưởng trực tiếp tới an ninh lương thực, an ninh quốc phòng và an ninh môi trường của quốc gia. Bên cạnh đó, các HST còn có vai trò đặc biệt trong cân bằng sinh thái và đẩy lùi tốc độ của biến đổi khí hậu. Về mặt xã hội, các HST rừng có vai trò quan trọng trong đời sống, văn hóa, tinh thần của hơn 25 triệu người dân trong các cộng đồng sinh sống gần rừng trên khắp đất nước.

Tại Việt Nam, việc khai thác, sử dụng tài nguyên rừng được quy định cụ thể trong nhiều văn bản pháp lý, điển hình là Luật Lâm nghiệp (2017) và Nghị định 156/2018 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp. Trong thời gian qua, Việt Nam đã triển khai nhiều chương trình, đề án liên quan đến quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn ĐDSH, bảo vệ môi trường sinh thái và các giá trị DVMTR nhằm tạo điều kiện cho các chủ rừng chủ động tổ chức sản xuất, kinh doanh theo hướng xã hội hoá sản xuất lâm nghiệp. Nhiều địa phương cũng đã nhận thức rõ hơn về giá trị và cơ hội phát triển kinh tế do các HST rừng mang lại nên đã tập trung nguồn lực để xây dựng và triển khai nhiều dự án phát triển bền vững kinh tế dưới tán rừng trên cơ sở tiềm năng và lợi thế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên rừng. Tại nhiều địa phương, một số mô hình phát triển kinh tế dưới tán rừng (như trồng cây ăn quả, cây dược liệu, chăn nuôi gia súc, gia cầm, phát triển du lịch sinh thái, v.v.) đã và đang mang lại nguồn thu nhập ổn định, góp phần cải thiện và nâng cao đời sống cho người dân, qua đó giúp giảm nguy cơ xâm lấn rừng để lấy đất sản xuất hay khai thác quá mức tài nguyên rừng.

Để khai thác các giá trị tổng hợp của các HST rừng tại Việt Nam, Đảng và Nhà nước đã xác định chủ trương *"Phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững theo hướng đa mục đích, đa giá trị trên cơ sở quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên rừng"*² và giao nhiệm vụ cho Bộ NN&PTNT xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án *"Phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm*

¹ Báo cáo đánh giá hệ sinh thái quốc gia năm 2021 (Trung tâm bảo tồn đa dạng sinh học, 2022)

² Kết luận số 61-KL/TW ngày 17/8/2023 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW, ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng

2030, tầm nhìn đến năm 2050”³ (sau đây gọi tắt là Đề án) với các mục tiêu cụ thể gồm: (i) phát triển bền vững nguồn cung nguyên liệu gỗ thông qua việc tổ chức thâm canh, mở rộng diện tích RT gỗ lớn; (ii) tăng giá trị lâm sản ngoài gỗ và dược liệu được chế biến; (iii) phát triển các hình thức tổ chức nông, lâm, ngư kết hợp hiệu quả, bền vững; (iv) phát triển DVMTR trên cơ sở cụ thể hoá, mở rộng các loại DVMTR và sử dụng hiệu quả nguồn thu từ DVMTR; (v) phát triển các hoạt động du lịch sinh thái (DLST), nghỉ dưỡng, giải trí bền vững và (vi) thu hút lực lượng lao động làm việc trong lĩnh vực lâm nghiệp là người dân tộc thiểu số sống tại khu vực có rừng. Bộ NN&PTNT đã giao Cục Lâm nghiệp chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan để xây dựng Đề án.

Nhằm hỗ trợ cho Cục Lâm nghiệp trong việc xây dựng và hoàn thiện Đề án, trong khuôn khổ của Hợp phần Bảo tồn ĐDSH thuộc Dự án Quản lý rừng bền vững và Bảo tồn đa dạng sinh học (VFBC) do USAID tài trợ, Tổ chức Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên (WWF-Việt Nam) đã phối hợp với nhóm tư vấn độc lập triển khai nghiên cứu “Đánh giá tổng hợp phát triển kinh tế đa dụng gắn với bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng toàn quốc” (sau đây được gọi tắt là Nghiên cứu). Nghiên cứu này được thực hiện trong khoảng thời gian từ tháng 10 /2023 - 03/2024.

³ Văn bản số 8373/VPCP-NN, ngày 13/12/2022 của Văn phòng Chính phủ, theo đó Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Nông nghiệp và PTNT chủ trì xây dựng Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng